

Bản án số: 100/2023/HS-ST
Ngày: 20-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các hội thẩm nhân dân: ông Ngô Đình Tư và ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Hải Sâm - Thư ký TAND huyện Diễn Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thu Hà

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2023/TLST-HS ngày 02/6/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXXST-HS ngày 06/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1987 tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L1; Vợ, con: chưa có; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: - Năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 143/2017/HSST ngày 27/12/2017). Chấp hành xong ngày 15/02/2020.

- Năm 2012, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 73/2012/HSST ngày 09/03/2012). Chấp hành xong ngày 10/11/2013.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2023 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1988 tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An;

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L2 và bà Cao Thị T2; Vợ: Phan Thị M, sinh năm 1989, con: có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014); anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 08/9/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 144/2021/HSST ngày 08/9/2021). Chấp hành xong ngày 28/6/2022.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2023 đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:* bà Ngô Thị H, sinh năm 1952, Địa chỉ: xóm 7, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* 1. anh Đặng Văn T3, sinh năm 1980, trú tại khối 5, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Chị Phan Thị M, sinh năm 1989, trú tại thôn 2, xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/03/2023, Nguyễn Văn L và Lê Văn T gặp nhau tại khu vực cửa hàng xăng dầu trên địa phận xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Tại đây, T rủ L cướp giật tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân, L đồng ý. Sau đó Long điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamha, loại xe Jupiter, màu sơn đỏ đen, BKS: 37 L1-359.70 chở sau Lê Văn T đi theo tuyến Quốc lộ 1A qua địa phận xã D, huyện D đến địa phận xã L, huyện. Khi đi gần đến đoạn nhà thờ giáo họ Đồng Âm thuộc địa phận xóm 7, xã L thì phát hiện bà Ngô Thị H đang ngồi rán bánh phía ngoài cổng nhà sát Quốc lộ 48, trên tai có đeo vòng bằng vàng thì L điều khiển xe quay lại nổ máy chờ sẵn cách vị trí bà H đang ngồi khoảng 04m, còn Tánh đi bộ lại tiếp cận bà H. Khi đến gần bà H, T nói “Lấy cháu mấy cái bánh”, bà H không nói gì mà ngồi quay lưng lại với T. Lúc này quan sát thấy không có người xung quanh, bà H mất cảnh giác, T dùng tay phải cầm lấy vòng tai bằng vàng trên tai trái của bà H rồi giật mạnh khiến vòng tai bị rời ra. T cầm vòng tai chạy ra xe máy rồi tăng ga bỏ chạy. Sau khi chạy thoát, L điều khiển xe máy chở T đến cửa hàng vàng bạc “Đức

Tài Tâm Đạt” tại thị trấn C, huyện Q. T cầm vòng vàng đi vào cửa hàng bán cho Đặng Văn T3 với giá 2.640.000 đồng. Số tiền có được các bị cáo chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Ngày 30/3/2023, bà Ngô Thị H có đơn trình báo Công an xã Diễn Lâm.

Ngày 03/4/2023, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Diễn châu đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thi hành Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn L. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 13/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An kết luận: 01 (một) vòng vàng đeo tai, loại 9999, có khối lượng 5,2 phân có trị giá 2.880.000 đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Vật chứng vụ án thu giữ: Đối với 01 vòng tai bằng vàng: sau khi mua, Đặng Văn T3 đã nấu chảy vòng vàng này với các sản phẩm vàng khác nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Diễn Châu không thu hồi được. Đối với 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 37L1-359.70, màu sơn đỏ đen, đã qua sử dụng hiện được bảo quản tại Kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, gia đình các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà Ngô Thị H. Bà H đã nhận đủ và không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 73/CT-VKS-DC ngày 26/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu đã truy tố bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn L về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt: Lê Văn T từ 21 đến 24 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Văn L từ 21 đến 24 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo; Về vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho chi

Phan Thị M 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 37L1-359.70 là tài sản của chị M bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nhưng chị M không biết. Đối với 01 vòng tai bằng vàng, loại vàng 9999 không thu hồi được; Về trách nhiệm dân sự: đề nghị không xem xét; Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại là bà Ngô Thị H có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã được bồi thường dân sự, không có yêu cầu gì thêm. Chị Phan Thị M có mặt tại phiên tòa trình bày 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 37L1-359.70 là tài sản của chị cho bị cáo Nguyễn Văn L mượn sử dụng, nhưng chị M không biết bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, chị M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị chiếc xe trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Diên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa, bị cáo các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/03/2023, tại khu vực phía trước nhà bà Ngô Thị H, Nguyễn Văn L và Lê Văn T có hành vi cướp giật 01 vòng vàng đeo tai, loại 9999 của bà Ngô Thị H trị giá 2.880.000 đồng. Như vậy, hành vi mà Lê Văn T và Nguyễn Văn L thực hiện đã

đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 điều 171 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

[2.2]. Vụ án thuộc loại nghiêm trọng, có đồng phạm nhưng thuộc loại giản đơn, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, tính mạng sức khỏe của người khác, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội; các bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội Cướp giật tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo L phạm tội khi chưa được xóa tích nên còn phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo. Tuy nhiên, xét quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn tỏ ra ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Lê Văn T sau khi phạm tội đã ra đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của BLHS.

[2.3]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có việc làm thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[2.4]. Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã được bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe máy biển kiểm soát 37L1-359.70 quá trình điều tra xác minh là tài sản của chị Phan Thị M cho bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng, việc L dùng xe làm phương tiện phạm tội chị M không biết, chị Phan Thị M đề nghị được nhận lại tài sản để làm phương tiện đi làm ăn. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho chị Mai chiếc xe trên.

[2.6]. Đối với Đặng Văn T3 là người mua chiếc vòng tai vàng của Lê Văn T, tuy nhiên, khi mua T3 không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không phạm tội.

[2.7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn L 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/04/2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Văn T 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/04/2023.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho chị Phan Thị M 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, số loại Juppiter, biển kiểm soát 37L1-359.70, đã qua sử dụng (Vật chứng trên hiện có tại kho vật chứng Chi Cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo Phiếu nhập kho số NK0102 ngày 31/5/2023).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Công an huyện Diễn Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Nhung